TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/DS-ST
Ngày: 14 – 8 – 2023
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài;

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 và ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Cẩm H: Ông Võ Thanh Trường G, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và ông Trần Thanh H1, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/4/2023).

- *Bị đơn*:

1. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1961;

2. Bà Cao Lệ T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Trần Thanh H1 có mặt tại phiên tòa; ông Đỗ Văn Đ và bà Cao Lệ T

vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh H1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị Cẩm H và bà Cao Lệ T là bà con với nhau, còn ông Đỗ Văn Đ là chồng của bà T. Chị H cho bà T vay tiền tổng cộng 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 09/7/2020, chị H cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Lần 2: Cùng ngày 09/7/2020, chị H cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 28/11/2020, chị H cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Cả 03 lần vay nêu trên đều có lập biên nhận tại nhà chị H. Biên nhận do chị H viết nội dung, bà T viết họ tên và ký tên tại phần người nhận tiền. Khi vay tiền thì có mặt chị H, bà T; còn ông Đ không có mặt và không có ký tên vào biên nhận. Lãi suất tự thỏa thuận là 1,66%/tháng. Việc cho vay không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Mục đích bà T vay tiền là để sử dụng trong gia đình bà T. Tại 03 biên nhận đều ghi là bà T "mượn tiền" chị H nhưng thực chất là vay tiền. Khi vay tiền từ ngày 09/7/2020 thì bà T chưa trả được khoản tiền lãi nào cho chị H. Đến tháng 3/2023 thì chị H yêu cầu bà T và ông Đ trả lại tiền vay gốc tổng cộng 70.000.000 đồng, nhưng bà T và ông Đ không trả nên đến tháng 4/2023 chị H khởi kiện tại Tòa án.

Nay chị H yêu cầu bà T và ông Đ liên đới trả cho chị H số tiền gốc tổng cộng là 70.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc tổng cộng 60.000.000 đồng thì yêu cầu tính lãi từ ngày 09/7/2020 đến ngày 28/3/2023 (tính tròn tháng) là: 33 tháng x 1,66%/tháng x 60.000.000 đồng = 32.868.000 đồng;

- Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng thì yêu cầu tính lãi từ ngày 28/11/2020 đến ngày 28/3/2023 (tính tròn tháng) là: 28 tháng x 1,66%/tháng x 10.000.000 đồng = 4.648.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 107.516.000 đồng. Chị H yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 107.516.000 đồng từ ngày 29/3/2023 đến khi bà T, ông Đ trả xong nợ.

- Bị đơn ông Đỗ Văn Đ và bà Cao Lệ T: Ông Đ và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng ông Đ và bà T vắng mặt tại phiên và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh H1 là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện; hiện nay chị H

chỉ yêu cầu bà T và ông Đ chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền vay gốc tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà T chịu trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay gốc tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 09/7/2020 đối với số tiền 50.000.000 đồng (Bản chính);

- Biên nhận ngày 09/7/2020 đối với số tiền 10.000.000 đồng (Bản chính);

- Biên nhận ngày 28/11/2020 (Bản chính);

- Kết quả xác minh ngày 09/6/2023 của Công an xã T về việc cư trú của ông Đỗ Văn Đ, bà Cao Lệ T (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Đỗ Văn Đ và bà Cao Lệ T hiện nay cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Đỗ Văn Đ và bà Cao Lệ T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227

và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H xác định chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Cao Lệ T và ông Đỗ Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào 02 biên nhận ngày 09/7/2020 và biên nhận ngày 28/11/2020, thể hiện chị H có cho bà T vay số tiền gốc tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và bà T đã nhận đủ số tiền vay gốc nêu trên. Nội dung biên nhận cho thấy tại thời điểm chị H cho bà T vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Tại 03 biên nhận nêu trên đều không thỏa thuận thời hạn vay tiền, nên việc chị H yêu cầu bà T trả nợ vào tháng 3/2023, khởi kiện tại Tòa án vào tháng 4/2023 đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bà T không có trả nợ và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho chị H, nên bà T đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với chị H.

Chị H cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền tại các biên nhận là của bà Cao Lệ T, đồng thời cam đoan bà Cao Lệ T là người vay tiền tại 03 biên nhận với bà Cao Lệ T là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc bà T đã trả xong tiền nợ cho chị H, thì chị H hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Bà Cao Lệ T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của bà T.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, tại phiên tòa ông Trần Thanh H1 là người đại diện theo ủy quyền của chị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc tổng cộng là 70.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc chị H yêu cầu ông Đỗ Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà Cao Lệ T trả tiền vay cho chị H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị H vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng chứng minh bà T vay tiền là vì nhu cầu thiết yết của gia đình bà T và ông Đ. Tình tiết người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày khi

vay tiền bà T có nói là vay để sử dụng chung trong gia đình nhưng không có thể hiện trong biên nhận và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, không đủ căn cứ xác định ông Đỗ Văn Đ có trách nhiệm liên đới cùng với bà Cao Lệ T trả tiền cho chị H.

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*", Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H, buộc bà Cao Lệ T chịu trách nhiệm cá nhân trả cho chị H số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc buộc ông Đỗ Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T trả tiền cho chị H, là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Cao Lệ T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H.

Buộc bà Cao Lệ T chịu trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm H về việc buộc ông Đỗ Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà Cao Lệ T trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền vay gốc còn nợ là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu

đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Cao Lệ T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.687.000đ (Hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0002078 ngày 22/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang